



huáng dì

皇帝

Noun · emperor

Example Sentences

zhè shì huáng dì

这是皇帝。

This is the emperor.

zhè wèi huáng dì bān bù de xīn fǎ lìng zhǐ zài gǎi shàn mǐn shēng

这位皇帝颁布的新法令，旨在改善民生。

The new decree issued by this emperor aims to improve people's livelihood.

gǔ dài zhōng guó yǒu hěn duō huáng dì

古代中国有很多皇帝。

There were many emperors in ancient China.

Trace each character, then write the word on your own.

皇	皇	皇	皇	皇	皇	皇	皇	皇	皇	皇
皇										

帝	帝	帝	帝	帝	帝	帝	帝	帝	帝	帝
帝										